



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG
Khoa: Y DƯỢC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN DƯỢC LÝ 1
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành: **DƯỢC HỌC**
Mã số: **7720201**

Lần ban hành:
Ngày ban hành:
Số trang:

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt: DƯỢC LÝ 1 Tiếng Anh: Pharmacology 1	
- Mã số học phần: PMA11171	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Khoa học Sức khỏe (Khối ngành VI)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Học phần dạy học dự án ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 02 (02/0) + Số tiết lý thuyết : 30 tiết + Số tiết thực hành/thảo luận : 0 + Số tiết thực tế ngoài trường: 0 + Số tiết tự học : 60 tiết.	
- Điều kiện tham gia học phần: Học phần tiên quyết: Mã số HP: . Học phần học trước: (ghi tên HP nếu có) Mã số HP: (ghi MSHP)	

Học phần song hành: <i>(ghi tên HP nếu có)</i> Mã số HP: <i>(ghi MSHP)</i>
- Yêu cầu của học phần <i>(giảng viên ghi cụ thể các yêu cầu)</i> Thời gian người học có mặt trên lớp tối thiểu: 80%. Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, ... Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Y Dược

1.2. Các giảng viên phụ trách

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Nguyễn Thị Minh Thu
- Các giảng viên cùng giảng dạy: Ths. Lê Thị Duyên

2. Mô tả học phần *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)*

Vị trí học phần: Học phần "Dược lý 1" thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Dược sĩ, cung cấp nền tảng lý thuyết quan trọng liên quan đến các loại thuốc và cơ chế tác dụng, làm cơ sở cho các học phần chuyên sâu hơn trong ngành.

Vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo (CTĐT): Học phần này giúp sinh viên nắm vững cơ chế tác dụng, dược động học và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thuốc. Điều này góp phần phát triển kỹ năng tư vấn và sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.

Mục đích:

- Trang bị kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ, và các đặc tính dược động học cơ bản.
- Hiểu cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, và các chỉ định của thuốc.
- Rèn luyện khả năng tư vấn và xử lý các tình huống liên quan đến sử dụng thuốc trên bệnh nhân, đặc biệt là thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương và hệ thần kinh thực vật.

Nội dung chính yếu:

- Các đặc điểm dược động học cơ bản (hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ).
- Cơ chế tác dụng, tương tác, và tác dụng không mong muốn của thuốc.
- Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương và hệ thần kinh thực vật.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1. Mục tiêu của học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR nào của CTĐT	Trình độ năng lực
CO ₁	Cung cấp kiến thức về hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ và dược động học cơ bản; cơ chế, tác dụng và các đặc tính của thuốc tác động lên hệ thần kinh trung ương và thần kinh thực vật.	PLO ₄	3/6
CO ₂	Rèn luyện kỹ năng sử dụng và xử lý các phản ứng bất lợi của thuốc trong nhóm tác dụng lên hệ thần kinh trung ương và thần kinh thực vật, đảm bảo an toàn và hiệu quả trên bệnh nhân.	PLO ₉	3/5
CO ₃	Phát triển ý thức bảo tồn, sử dụng hợp lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc, tuân thủ các quy định pháp luật trong thực hành nghề nghiệp.	PLO ₁₁ , PLO ₁₂	4/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Bảng 2. Mô tả chuẩn đầu ra học phần DƯỢC LÝ 1 đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT ngành Dược học

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP DƯỢC LÝ 1			CLOs HP DƯỢC LÝ 1				
Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt	Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt	Trọng số (%)	Chương HP đảm nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
PLO ₄ [1.2.2]	Áp dụng kiến thức ngành và chuyên ngành vào quy trình thu hái, chế biến, bào chế, kiểm nghiệm, sản xuất, và hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả.	3/6	CLO ₁ [1.2.2.1]	Vận dụng kiến thức về hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ, và cơ chế tác dụng của thuốc để sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả.	3/6		Chương 1,2,3,4
			CLO ₂ [1.2.2.2]	Phân tích các đặc tính như cơ chế, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định và cách sử dụng thuốc trong nhóm tác động lên hệ thần kinh trung ương và hệ thần kinh thực vật.	3/6		Chương 1,2,3,4
PLO ₉ [2.2.2]	Thành thạo các kỹ năng thực hành trong thu hái, chế biến, bào chế, kiểm nghiệm, sản xuất, và	3/5	CLO ₃ [2.2.2.1]	Giải thích và tư vấn cho người bệnh về tác dụng, cách dùng và xử lý tác dụng không mong muốn của thuốc.	3/5		Chương 1,2,3,4

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP DƯỢC LÝ 1			CLOs HP DƯỢC LÝ 1				
	hướng dẫn sử dụng thuốc, đảm bảo thực hiện quy trình một cách khoa học, an toàn và hiệu quả.		CLO ₄ [2.2.2.2]	<i>Hướng dẫn và thực hành sử dụng</i> các thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương và thần kinh thực vật một cách an toàn và hợp lý.	3/5		Chương 1,2,3,4
PLO ₁₁ [3.1.1]	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tư duy độc lập, lập trường vững vàng và khả năng tự học suốt đời, chủ động phát triển kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu của ngành Dược và sự phát triển xã hội.	4/5	CLO ₅ [3.1.1]	<i>Thể hiện ý thức</i> học tập, phát triển chuyên môn và tuân thủ pháp luật trong nghề nghiệp.	4/5		Chương 1,2,3,4
PLO ₁₂ [3.2.1]	Thể hiện tinh thần trách nhiệm với xã hội và môi trường, tôn trọng quyền và lợi ích của đồng nghiệp, bệnh nhân; duy trì phong cách làm việc chuyên nghiệp và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động chuyên môn.	4/5	CLO ₆ [3.2.1]	<i>Tôn trọng, hợp tác</i> với đồng nghiệp và bệnh nhân; thực hiện trách nhiệm với xã hội và môi trường.	4/5		Chương 1,2,3,4

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các chương cho việc đạt các CLOs HP Dược lý 1 (*)

CLO	Kiến thức ngành		Kỹ năng nghề nghiệp		NL tự chủ	Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.2.1] – 3/6	CLO2 [1.2.2.2] – 3/6	CLO3 [2.2.2.1] – 3/5	CLO4 [2.2.2.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1.1] – 4/5
Chương 1	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 2	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 3	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 4	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5

5. Đánh giá học phần

Bảng 4. Đánh giá học phần

Bài đánh giá	CLOs được đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	CLO5	4/5	5	Điểm danh	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		
Thái độ học tập	CLO5	4/5	5	Tham gia phát biểu, thảo luận	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
Bài kiểm tra 1	CLO1	3/6	8	Tự luận	Cuối chương 4
	CLO2	3/6	8		
	CLO3	3/5	7		
	CLO4	3/5	7		
A2. Đánh giá cuối kì (thi kết thúc học phần)			50		
Bài thi hết học phần	CLO1	3/6	12,5	Tự luận	Theo lịch thi của P.QLĐT
	CLO2	3/6	12,5		
	CLO3	4/5	12,5		
	CLO4	4/5	12,5		

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLO Bài ĐG	1.2. Kiến thức ngành		2.2. Kỹ năng nghề nghiệp		3.1. NL tự chủ	3.2. Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.2.1] – 3/6	CLO2 [1.2.2.2] – 3/6	CLO3 [2.2.2.1] – 3/5	CLO4 [2.2.2.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1.1] – 4/5
A1.1 (20%)					x	x
A1.2 (30%)	x	x	x	x		
A2 (50%)	x	x	x	x		

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương 1. Hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ và dược động học cơ bản 1. Hấp thu 2. Phân bố 3. Chuyển hóa 4. Thải trừ	4	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
2	Chương 2. Tác dụng của thuốc 1. Một số khái niệm 2. Cơ chế tác dụng của thuốc 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc 4. Phản ứng bất lợi của thuốc	4	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
3	Chương 3. Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương Đại cương 1. Các chất trung gian dẫn truyền của hệ thần kinh trung ương 2. Kênh ion 3. Các nhóm thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương	1	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
	Thuốc gây mê 1. Đại cương 2. thuốc gây mê đường hô hấp 3. Thuốc gây mê đường tĩnh mạch	1	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
	Thuốc gây tê 1. Đại cương 2. Thuốc gây tê có cấu trúc Ester 3. Thuốc gây tê có cấu trúc Amid 4. Thuốc gây tê có cấu trúc khác	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	AI.1 AI.2 A2
	Thuốc an thần- gây ngủ 1. Đại cương 2. Dẫn xuất của acid barbituric 3. Dẫn xuất của Benzodiazepam 4. Các dẫn chất khác	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	AI.1 AI.2 A2
	Thuốc giảm đau trung ương 1.Đại cương 2. Thuốc chủ vận trên receptor Opioid 3. Thuốc chủ vận- đối kháng hỗn hợp và chủ vận từng phần 4. Thuốc đối kháng đơn thuần trên Receptor Opioid	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	AI.1 AI.2 A2
	Thuốc chống động kinh 1. Đại cương 2. Các thuốc chống động kinh	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	AI.1 AI.2 A2
	Thuốc kích thích thần kinh trung ương 1. Đại cương 2. Thuốc tác dụng ưu tiên trên vỏ não 3. Thuốc tác dụng ưu tiên trên hàn não 4. Thuốc tác dụng ưu tiên trên tủy sống	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	AI.1 AI.2 A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
	Thuốc điều trị rối loạn tâm thần A. Thuốc ức chế tâm thần 1. Đại cương 2. Dẫn xuất phenothiazin 3. Dẫn xuất butyrophenon 4. Dẫn xuất benzamid 5. Các thuốc khác B. Thuốc chống trầm cảm 1. Đại cương 2. Thuốc ức chế Monoamin Oxydase (IMAO) 3. Thuốc chống trầm cảm ba vòng 4. Thuốc ức chế chọn lọc thu hồi Serotonin 5. Thuốc chống trầm cảm khác C. Thuốc điều hòa hoạt động tâm thần	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	A1.1 A1.2 A2
4	Chương 4. Thuốc tác dụng trên thần kinh thực vật 1. Đại cương 2. Thuốc kích thích hệ Adrenergic 3. Thuốc ức chế hệ Adrenergic (Thuốc hủy giao cảm) 4. Thuốc kích thích hệ Cholinergic 5. Thuốc ức chế hệ Cholinergic	4	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	A1.1 A1.2 A2
Tổng		30				

7. Học liệu

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, giáo trình			
1	Mai Tất Tố và TS Vũ Trâm	2022	Dược lý học, Tập I	NXB Y học, Hà Nội

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Dược lý học lâm sàng	https://tuetinh.edu.vn/wp-content/uploads/2019/06/DUOC-LY-HOC-LAM-SANG.pdf	24.2.2023

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần**

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung bài học/chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường nhà C	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi	01	Chương 1,2,3,4

9. Các rubrics đánh giá kết quả học tập**- Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học <30%	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

- Rubric đánh giá kiểm tra/thi bằng hình thức tự luận

Đánh giá kiểm tra viết (*Written Exam*): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

10. Thi kết thúc học phần

- Cấu trúc đề thi kết thúc học phần:

+ Số câu hỏi trong 1 đề: **04 câu** (2,5 điểm x 4); Mỗi câu đánh giá 1 CLO: 1 CLO₁, 1 CLO₂, 1 CLO₃, 1 CLO₄

+ Thời gian làm bài: 60 phút - Sinh viên được phép sử dụng tài liệu (*Đề mở*)

- Ma trận ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần

CLOs Bài đánh giá A2 (Thi kết thúc HP)		Các CLOs được đánh giá			
		1	2	3	4
		[1.2.2.1] - 3/6	[1.2.2.2] - 3/6	[2.2.2.1] - 3/5	[2.2.2.2] - 3/5
		Kiến thức ngành		Kỹ năng nghề nghiệp	
Chương 1	Số câu: 08	2	2	2	2
Chương 2	Số câu: 07	2	2	2	1
Chương 3	Số câu: 08	2	2	2	2
Chương 4	Số câu: 07	2	2	1	2
Cộng	30	8/30	8/30	7/30	7/30

➤ **Các phương án tổ hợp câu hỏi thi để làm ĐỀ THI kết thúc học phần bằng hình thức tự luận:**

- Phương án tổ hợp câu hỏi trong 1 đề thi: có 4 câu (1 CLO₁, 1 CLO₂, 1 CLO₃, 1 CLO₄) không cùng trong 1 chương.
- Đề thi kết thúc học phần có 4 đề (Các câu hỏi không lặp lại)

Câu hỏi thi	Chương	Số lượng câu	Điểm	CLOs đánh giá - Mức NL	Số lượng câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi thi
Câu 1	Chương 1-4	1	2,5	CLO1- 3/6	8
Câu 2	Chương 1-4	1	2,5	CLO2 - 3/6	8
Câu 3	Chương 1-4	1	2,5	CLO3 - 3/5	7
Câu 4	Chương 1-4	1	2,5	CLO4 - 3/5	7
Cộng		4	10		30

Trưởng khoa

(Đã ký)

GS.TSKH Phùng Đức Cam

Giảng viên

(Đã ký)

TS. Nguyễn Thị Minh Thu